UBND PHƯỜNG HỒNG AN

TRƯỜNG MẦM NON AN HƯNG

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP 4B3

Năm học 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				**.**		**30**	**43**	**61**	**.**	**.**	**.**	**.**		**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
A. Phát triển vận động				**.**		**13**	**19**	**27**	**.**	**.**	**.**	**.**		**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				**.**		**4**	**6**	**9**	**.**	**.**	**.**	**.**		**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
1	Thực hiện đúng, đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	QTE	Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục	TLHD		1	1	1	x									**1**	
										x								**1**	
							1	1			x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
						1	1	1						x				**1**	
															x			**1**	
								1								x		**1**	
																	x	**1**	
2	***Tập nhịp nhàng, phối hợp các động tác của bài tập thể dục theo hình thức dân vũ kết hợp với bài hát/bản nhạc***	ĐP	***Tập các động tác thể dục sáng dưới hình thức tập dân vũ***	ĐP	x					x								**1**	
											x							**1**	
3	***Tập các động tác mạnh mẽ, dứt khoát, phối hợp chuyển động nhịp nhàng qua các động tác võ thuật đơn giản***	ĐP	***Tập các động tác thể dục sáng dưới hình thức tập võ thuật***	ĐP	x											x		**1**	
4	***Rèn luyện khả năng tập trung, tăng cường chức năng tuần hoàn hô hấp và duy trì độ dẻo dai, linh hoạt, giảm căng thẳng, mệt mỏi cho trẻ thông qua các động tác tập Yoga đơn giản***	ĐP	***Tập các động tác Yoga đơn giản***	ĐP	x			1					x					**1**	
5	***Giúp trẻ tỉnh táo, phục hồi cơ thể qua các bài tập vận động phát triển các nhóm cơ và hô hấp tại nơi trẻ nằm và ngay sau khi trẻ ngủ trưa dậy***	ĐP	***Phút thể dục chống mệt mỏi sau giấc ngủ trưa***	ĐP	x				x									**1**	
										x								**1**	
											x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
																	x	**1**	
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động						**9**	**13**	**17**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
*** Vận động: đi**				**.**		**2**	**3**	**4**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
6	Đi bằng gót chân liên tục 1,5m đúng kỹ thuật	NDCT	Đi bằng gót chân	NDCT		1	1		x									**1**	
7	Đi khụy gối liên tục 2m đúng kỹ thuật	NDCT	Đi khụy gối	NDCT								x						**1**	
8	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước lùi liên tiếp khoảng từ 1,5- 3m	KQMĐ	Đi bước lùi	NDCT				1		x								**1**	
9	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bước đi liên tục trên ghế thể dục	KQMĐ	Đi trên ghế thể dục	KQMĐ				1			x							**1**	
10	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước dồn trước trên ghế thể dục	TLHD	Đi bước dồn trước	TLHD								x						**1**	
11	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước dồn ngang trên ghế thể dục	TLHD	Đi bước dồn ngang	TLHD												x		**1**	
12	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	KQMĐ	Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	NDCT			1	1							x			**1**	
13	Kiểm soát được vận động đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh 4-5 lần	NDCT	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT											x			**1**	
14	Kiểm soát được vận động đi thay đổi hướng theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt zic zắc cách nhau 2m)	KQMĐ	Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn (4-5 điểm zic zắc)	NDCT													x	**1**	
15	***Mạnh mẽ, khéo léo, phối hợp nhịp nhàng khi đi theo đội hình, đội ngũ và đi đều bước***	TLHD	***Đi theo đội hình, đội ngũ, đi đều bước***	TLHD	x				x									**1**	
*** Vận động: chạy**				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
16	Kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh 3 -4 lần	NDCT	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (2-3 lần)	NDCT		1	1	1								x		**1**	
17	Kiểm soát được vận động chạy theo đường zíc zắc (5-6 điểm cách nhau 1,5-2m)	KQMĐ	Chạy thay đổi hướng theo 5-6 điểm zíc zắc	NDCT													x	**1**	
18	***Chạy được 18m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây***	***ĐP***	***Chạy 18m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây***	***ĐP***								x						**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
19	Bền bỉ, dẻo dai, duy trì được vận động chạy chậm 60-80m	NDCT	Chạy chậm 60-80m	NDCT												x		**1**	
20	***Thể hiện sự khéo léo, nhanh nhẹn khi chạy theo bóng và bắt bóng***	***TLHD***	***Chạy theo bóng và bắt bóng***	***TLHD***									x					**1**	
*** Vận động: bò, trườn, trèo**				**.**		**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
21	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp khéo léo khi thực hiện vận động bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 3-4m không chệch ra ngoài	NDCT	Bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 3-4m	NDCT				1			x							**1**	
22	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp khéo léo khi thực hiện vận động bò trong đường zic zăc (rộng 45cm có 5 điểm zic zắc, mỗi điểm cách nhau 2m) không chệch ra ngoài	KQMĐ	Bò trong đường zic zăc qua 5 điểm, mỗi điểm cách nhau 2m	NDCT			1	1						x				**1**	
23	Bò chui qua cổng (cao 40cm, rộng 40cm) không chạm cổng	NDCT	Bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 50cm)	TLHD							x							**1**	
24	Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m liên tục, không chạm	NDCT	Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m	NDCT				1							*x*			**1**	
25	Trườn thẳng hướng đích, liên tục 2m và theo khả năng	NDCT	Trườn theo hướng thẳng	NDCT		1	1	1						x				**1**	
26	Trườn được theo hướng thẳng, chui dưới dây cách mặt đất 40cm, không chạm dây	TLHD	Trườn chui qua dây	TLHD												x		**1**	
27	Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm khéo léo, nhanh nhẹn và đúng kỹ thuật (Ghế đặt cách chỗ trẻ đứng chuẩn bị 2-3m)	NDCT	Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	NDCT												*x*		**1**	
28	Trèo lên xuống 5 gióng thang khéo léo, nhanh nhẹn và liên tục	NDCT	Trèo lên, xuống 5 gióng thang	NDCT													x	**1**	
29	Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo khi trèo lên xuống ghế có chiều cao 30cm	TLHD	Trèo lên, xuống ghế 30cm	TLHD													x	**1**	
*** Vận động: tung, ném, bắt**				**.**		**2**	**3**	**4**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
30	Tung bắt bóng 3 lần liền với cô/bạn ở khoảng cách 2m không làm rơi bóng	KQMĐ	Tung bắt bóng với người đối diện	NDCT			1	1					x					**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
31	Tung bóng thẳng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay ở độ cao 50-60cm, không làm rơi bóng	NDCT	Tung bóng lên cao và bắt bóng	NDCT		1	1	1								x		**1**	
32	Tự đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nẩy lên 5-6 lần liên tiếp (đường kính bóng 18cm)	KQMĐ	Đập và bắt bóng tại chỗ	NDCT						x								**1**	
33	Ném vật về phía trước bằng 1 tay đúng kỹ thuật	NDCT	Ném xa bằng 1 tay	NDCT						*x*								**1**	
34	Ném vật về phía trước bằng 2 tay đúng kỹ thuật	NDCT	Ném xa bằng 2 tay	NDCT		1	1	1						x				**1**	
35	Ném được trúng đích đứng (xa 1m, cao 1m)	KQMĐ	Ném trúng đích đứng bằng 1 tay (xa 1m, cao 1m)	NDCT								x						**1**	
36	Ném được trúng đích ngang ở khoảng cách xa 1,2-1,4m	KQMĐ	Ném trúng đích ngang ở khoảng cách xa 1,2-1,4m	NDCT											x			**1**	
37	Biết phối hợp chuyền bắt bóng qua đầu liên tục, không làm rơi bóng	NDCT	Chuyền, bắt bóng qua đầu	NDCT					x									**1**	
38	Biết phối hợp chuyền bắt bóng qua chân liên tục, không làm rơi bóng	NDCT	Chuyền, bắt bóng qua chân	NDCT						x								**1**	
39	Phối hợp tay mắt nhịp nhàng, khéo léo khi lăn bóng bằng hai tay và di chuyển theo bóng 3,5 - 4m	TLHD	Lăn bóng bằng 2 tay và di chuyển theo bóng	TLHD									*x*					**1**	
*** Vận động: bật, nhảy**				**.**		**1**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
40	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật tiến liên tục về phía trước quan 4-5 hàng kẻ song song cách nhau 30cm	NDCT	Bật liên tục về phía trước	NDCT										x				**1**	
41	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật xa 40 - 50 cm	TLHD	Bật xa 40 - 50 cm	TLHD					x									**1**	
42	Giữ được thăng bằng khi bật nhảy từ độ cao 30-35cm xuống	NDCT	Bật sâu (cao 30-35cm)	NDCT								x						**1**	
43	Bật tách chân, khép chân qua 5 ô liên tục, không dẫm vạch	NDCT	Bật tách chân, khép chân qua 5 ô	NDCT				1		x								**1**	
44	Mạnh dạn, tự tin, dứt khoát khi thực hiện vận động bật liên tục vào 5 vòng	TLHD	Bật liên tục vào 5 ô vòng	TLHD										x				**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
45	Giữ được thăng bằng khi bật qua vật cản cao 10-15cm, bề rộng 5-6cm	NDCT	Bật qua vật cản cao 10-15cm	NDCT			1	1					x					**1**	
46	Giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò 3m	NDCT	Nhảy lò cò 3m	NDCT		1	1	1	x									**1**	
Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện các bài tập tổng hợp				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
47	Thể hiện sự mạnh dạn, tự tin và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện vận động Trèo lên xuống ghế 30cm, ném xa bằng 2 tay.	TLHD	Trèo lên xuống ghế 30cm, ném xa bằng 2 tay	TLHD											x			**1**	
48	Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện vận động kết hợp "Bò chui qua ống dài 1,2x0,6m - Bật xa 35-40cm".	TLHD	Bò chui qua ống dài 1,2x0,6m - Bật xa 35-40cm	TLHD													x	**1**	
49	Trẻ khéo léo, biết phối hợp tay chân nhịp nhàng khi thực hiện vận động "Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục".	KQMĐ	Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục	KQMĐ												x		**1**	
50	Thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện vận động Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m	TLHD	Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m	TLHD		1	1	1			x							**1**	
51	Thể hiện sức mạnh, sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng giữu thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động Đi trên ghế thể dục - Bật qua vật cản 10-15cm	TLHD	Đi trên ghế thể dục - Bật qua vật cản 10-15cm	TLHD										x				**1**	
52	Thể hiện sự khéo léo, định hướng trong không gian và phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện vận động Bò trong đường Zíc zắc, ném xa bằng 1 tay.	TLHD	Bò trong đường Zíc zắc, ném xa bằng 1 tay	TLHD	x								x					**1**	
53	Thể hiện sức mạnh, sự khéo léo và khả năng phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện vận động: Chạy đổi hướng theo vật chuẩn, chuyền bóng theo hàng ngang.	TLHD	Chạy đổi hướng theo vật chuẩn, chuyền bóng theo hàng ngang	TLHD	x											x		**1**	
*** Trò chơi vận động**									**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	
53	***Thích chơi các trò chơi vận động, trò chơi dân gian. Biết luật chơi, cách chơi,***	ĐP	***Trò chơi vận động, trò chơi dân gian***	ĐP	x				x									**1**	
										x								**1**	
											x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
	phối hợp chơi với bạn vui vẻ													x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt								**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
55	Thực hiện được vận động luyện cơ tay: Búng ngón tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay	KQMĐ	Luyện tay: Búng ngón tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay	ĐP	x							x						**1**	
56	***Sử dụng ngón tay, bàn tay để chơi các trò chơi dân gian như: đánh, búng, gẩy chun, bắn bi, bắn bóng, oẳn tù tì, làm bóng bằng tay, rải ranh, ô ăn quan, tạo bóng hình bằng tay, cua cắp,…***	ĐP	***Các trò chơi dân gian với tay***	ĐP	x								x					**1**	
																	x	**1**	
57	Có khả năng vẽ tự do và tô màu trong khuôn hình, vẽ một số hình đơn giản theo mẫu	KQMĐ	Vẽ tự do và tô màu trong khuôn hình, vẽ hình theo mẫu	ĐP	x							x						**1**	
58	Biết dùng bàn tay, các đầu ngón tay lật từng trang sách	TLHD	Lật trang sách	TLHD						*x*								**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
59	Biết dùng ngón tay, bàn tay tạo hình, minh họa hoạt động của các con vật(con thỏ, con chó, con chim)	TLHD	Dùng tay tạo hình, minh họa hoạt động của các con vật	TLHD									x					**1**	
60	***Biết cách cầm bút đúng (bằng 3 ngón tay: ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa)***	ĐP	***Cầm, sử dụng bút***	***ĐP***	***x***				x									**1**	
61	Cắt thành thạo theo đường thẳng, đường cong	KQMĐ	Cắt đường thẳng, đường cong	NDCT									x					**1**	
62	Xếp chồng được 10-12 khối	KQMĐ	Xếp chồng các hình khối	NDCT											x			**1**	
63	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động bỏ vào, lấy ra qua lỗ, khe	TLHD	Bỏ vào, lấy ra qua lỗ, khe	TLHD									x					**1**	
									x									**1**	
										x								**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
64	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động lắp ghép, nối, gắn kết các đồ vật để tạo thành sản phẩm.	TLHD	Lắp ghép, nối, gắn kết các đồ vật để tạo thành sản phẩm.	TLHD							x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
65	Thể hiện sự khéo léo của bàn tay, các ngón tay qua hoạt động đóng mở nắp hộp (có ren, không ren), đan nan dọc liền 1 đầu	TLHD	Đóng mở nắp hộp(có ren, không ren), đan nan dọc liền 1 đầu	TLHD								x						**1**	
66	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động chơi với cát nước, nặn tự do	TLHD	Chơi với cát nước, nặn tự do,	TLHD												x		**1**	
67	Biết tự mặc - cởi quần áo, giày dép, tập cài cúc, kéo khóa	KQMĐ	Mặc - cởi quần áo, giày dép, tập cài cúc, kéo khóa	NDCT				1							x			**1**	
68	Sử dụng thành thạo dụng cụ phết hồ: lấy hồ, phết hồ lên giấy	TLHD	Dán hình	TLHD									x					**1**	
69	Biết xoắn, vặn, gập giấy tạo hình đơn giản theo hướng dẫn	NDCT	Xoắn, vặn, gập giấy	NDCT											x			**1**	
70	Phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp vận động của tay mắt thông qua hoạt động ăn uống: cầm bát, xúc cơm bằng thìa, uống nước bằng cốc, rót nước từ chai vào cốc, tham gia chuẩn bị bữa ăn: để bát, thìa, nhào bột, nặn bánh,…	TLHD	Ăn uống: cầm bát, xúc cơm bằng thìa, uống nước bằng cốc, rót nước từ chai vào cốc, tham gia chuẩn bị bữa ăn: để bát, thìa, nhào bột, nặn bánh,…	TLHD						x								**1**	
71	Phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp vận động của tay mắt thông qua hoạt động vệ sinh cá nhân: Xắn tay áo, xát xà phòng, rửa tay, lau tay, lau mặt, lau mũi bằng khăn hoặc giấy mềm	TLHD	Vệ sinh cá nhân: Xắn tay áo, xát xà phòng, rửa tay, lau tay, lau mặt, lau mũi bằng khăn hoặc giấy mềm	TLHD					*x*									**1**	
72	Thể hiện sự khéo léo của đôi tay qua hoạt động chăm sóc cây trồng vật nuôi: tưới cây, rau, hoa, lau lá to của những cây cảnh, nhặt lá rụng, gieo hạt, cho con vật ăn uống	TLHD	Chăm sóc cây trồng vật nuôi: tưới cây, rau, hoa, lau lá to của những cây cảnh, nhặt lá rụng, gieo hạt, cho con vật ăn uống	TLHD										x				**1**	
													x					**1**	
											x							**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
73	***Biết sử dụng đúng cách một số thiết bị văn phòng phẩm: kéo, bút chì, bút lông, hồ dán, băng keo 2 mặt, bấm ghim…***	ĐP+ STEAM	***Sử dụng một số thiết bị văn phòng phẩm***	ĐP+ STEAM	***x***							x						**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				**.**		**17**	**24**	**34**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe									**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
74	Biết một số thực phẩm cùng nhóm: thịt cá giàu chất đạm, rau quả chín nhiều vitamin và muối khoáng,….	KQMĐ	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm	NDCT						x								**1**	
75	Phân biệt được sự khác nhau về màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị, trạng thái của các loại thực phẩm	TLHD	Nhận biết màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị của một số thực phẩm quen thuộc	TLHD							x							**1**	
76	Nhận biết, phân loại được các thực phẩm theo nguồn gốc khác nhau (thực phẩm có nguồn gốc động vật/thực vật)	TLHD	Nhận biết, phân loại thực phẩm theo nguồn gốc	TLHD										x				**1**	
													x					**1**	
77	Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày	NDCT	Tên một số thức ăn trong bữa ăn hàng ngày	NDCT											x			**1**	
																	x	**1**	
78	Trẻ biết được mỗi thực phẩm có nhiều dạng chế biến khác nhau: luộc, xào, kho, làm bánh, làm nem, nấu phở,… và thực phẩm có nhiều cách ăn khác nhau: ăn sống, ăn chín, muối dưa, đóng hộp,..	NDCT	Dạng chế biến của thực phẩm và cách ăn	NDCT								x						**1**	
													x					**1**	
79	Nhận biết được các bữa ăn trong ngày: ăn sáng, bữa ăn ở trường, ở nhà, thức ăn trong các bữa ăn đó là gì, sự khác nhau của các bữa ăn trong ngày, thức ăn trong ngày lễ tết	NDCT	Nhận biết các bữa ăn trong ngày	NDCT						x								**1**	
80	Trẻ nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	NDCT	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	NDCT												x		**1**	
81	Bước đầu biết giữ vệ sinh trong ăn uống: ăn thức ăn đã nấu chín, uống nước sôi, ăn chậm, nhai kĩ, không làm rơi vãi thức ăn,…	TLHD	Giữ vệ sinh trong ăn uống	TLHD							x							**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
82	Biết một số cách lựa chọn, bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản: chọn thực phẩm sạch, tươi, ngon, không ăn rau quả dập nát, thức ăn ôi thiu, ăn không hết phải cất đậy cẩn thận không đê ruồi bâu, kiến bậu	TLHD	Cách lựa chọn, bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản	TLHD											x			**1**	
83	Có khả năng thực hành 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống.	NDCT	Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống	NDCT					x									**1**	
											x							**1**	
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
84	Có kỹ năng rửa tay bằng xà phòng đúng quy trình. Biết tự rửa tay bằng xà phòng khi được nhắc nhở	KQMĐ	Tập luyện thao tác,kỹ năng rửa tay bằng xà phòng	NDCT						x								**1**	
85	Có kỹ năng lau mặt đúng thao tác. Biết tự lau mặt khi được nhắc nhở	KQMĐ	Tập luyện thao tác, kỹ năng lau mặt	NDCT		1	1	1			x							**1**	
86	Biết tự thay quần áo khi bị ướt/bẩn	KQMĐ	Cởi - mặc quần áo	NDCT								x						**1**	
87	Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn	KQMĐ	Cách sử dụng bát, thìa	KQMĐ										x				**1**	
88	Biết cách chia thức ăn, đong, rót, đếm đồ dùng ăn uống, thức ăn trong phạm vi 10	TLHD	Tập chia thức ăn, đong, rót, đếm đồ dùng ăn uống, thức ăn trong phạm vi 10	TLHD												x		**1**	
89	Nhận biết được quy trình và tập chế biến một số món ăn đơn giản như pha nước cam, nước chanh, nhặt rau,…	TLHD	Quy trình và tập chế biến một số món ăn đơn giản như pha nước cam, nước chanh, nhặt rau,…	TLHD	x					x								**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
														x				**1**	
90	Biết giúp cô tham gia chuẩn bị phòng ăn, bữa ăn, hình thành ở trẻ thói quen tự phục vụ	TLHD	Chuẩn bị phòng ăn, bữa ăn	TLHD	x									x				**1**	
91	***Trẻ có hành vi lịch sự khi ăn uống, biết cách ngồi đúng tư thế, tự ăn gọn gàng, và biết nói "cảm ơn" và "xin lỗi" khi cần***	***QTE***	***Hành vi văn hóa, vệ sinh trong ăn uống***	***QTE***										x				**1**	
3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe				**.**		**1**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
			Mời cô, mời bạn khi ăn	KQMĐ					x									**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
91	Biết một số nền nếp, thói quen vệ sinh, một số hành vi văn minh trong ăn uống. Biết thực hiện khi được yêu cầu.	KQMĐ	Ăn từ tốn, không đùa nghịch làm đổ vãi thức ăn, không vừa nhai vừa nói	KQMĐ								x						**1**	
			Rửa hoa quả trước khi ăn	ĐP										x				**1**	
			Không uống nước lã	KQMĐ												x		**1**	
92	Biết lựa chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe	TLHD	Lựa chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe	TLHD						x								**1**	
93	Biết cách phân biệt thực phẩm/thức ăn sạch, an toàn	TLHD	Phân biệt thực phẩm/thức ăn sạch, an toàn	TLHD		1	1	1			x							**1**	
94	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	KQMĐ	Giữ vệ sinh thân thể	NDCT									x				x	**2**	
			Đi vệ sinh đúng nơi quy định	ĐP				1							x			**1**	
			Tập lau rửa đồ chơi	ĐP												x		**1**	
95	Có một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	NDCT	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	NDCT					x									**1**	
96	Biết được ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	NDCT	Ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	NDCT						x								**1**	
97	Nhận biết được các loại trang phục, mặc trang phục phù hợp với thời tiết, bước đầu biết tự mặc quần áo	NDCT	Nhận biết các loại trang phục, mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	NDCT			1	1				x						**1**	
			Tự mặc quần áo	ĐP												x		**1**	
98	Có khả năng nhận biết một số dấu hiệu đơn giản khi ốm (ho, sốt, đau bụng, đau đầu, đau răng) và cách phòng tránh đơn giản.	KQMĐ	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	NDCT										x				**1**	
99	Nhận biết được lợi ích của việc giữ gìn sức khỏe, giữ vệ sinh cá nhân và ăn uống đủ chất	TLHD	Ích lợi của việc giữ gìn sức khỏe, giữ vệ sinh cá nhân và ăn uống đủ chất	TLHD													x	**1**	
100	***Có một số kiến thức, kĩ năng cơ bản về phòng chống dịch bệnh***	ĐP	***Giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường xung quanh, ăn uống, sinh hoạt điều độ để phòng chống dịch bệnh***	ĐP	x			*1*			x							**1**	
4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh				**.**		**1**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
101	Biết nhận ra một số đồ vật nguy hiểm không nên đến gần (bàn là, bếp lửa, nước sôi, ổ cắm điện, dao, kéo, chất tẩy rửa, máy giặt,..). Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch..	KQMĐ	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm	NDCT					x									**1**	
102	***Sử dụng các đồ vật có thể gây nguy hiểm như: kéo, bút chì, sáp màu, hột hạt, que kem… đúng mục đích trong các hoạt động***	ĐP	***Sử dụng các đồ vật có thể gây nguy hiểm***	ĐP	x				x									**1**	
103	***Nhận biết phát hiện ra những chiếc ghế sắp gãy, thìa bát quá cũ,... không an toàn và báo cho người lớn***	ĐP	***Nhận biết một số vật dụng hỏng gây nguy hiểm và báo cho người lớn***	ĐP	x						x							**1**	
104	Nhận biết 1 số nơi nguy hiểm và biết không chơi gần nơi nguy hiểm (lan can cầu thang, bể nước, ao hồ, nhà vệ sinh,...)	KQMĐ	Nhận biết một số nơi nguy hiểm	NDCT			1	1							x			**1**	
105	Nhận biết một số hành động nguy hiểm, phòng tránh khi được nhắc nhở	KQMĐ	Không cười đùa khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt	KQMĐ								x						**1**	
			Không tự lấy thuốc uống khi chưa được phép của người lớn	KQMĐ										x				**1**	
			Không leo trèo bàn ghế, lan can	KQMĐ									x					**1**	
			Không xô đẩy các bạn khi lên/xuống cầu thang	KQMĐ												x		**1**	
			Không nghịch các vật sắc nhọn	KQMĐ													x	**1**	
			Không ngậm hột hạt, không trêu chọc chó mèo	KQMĐ					x									**1**	
			Không chơi với các chai lọ đựng hóa chất dùng để vệ sinh, thuốc trừ sâu bọ, các thiết bị điện	KQMĐ												x		**1**	
			Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê	KQMĐ						x								**1**	
106	Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu,…	KQMĐ	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	KQMĐ									x					**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
107	Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	KQMĐ	Tên và địa chỉ số điên thoại của người thân	KQMĐ		1	1	1			x							**1**	
108	***Biết chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi đông người và nơi đỗ xe hoặc nơi có nhiều xe cộ đi lại***	ATGT	***Nhận biết một số nơi vui chơi an toàn - không an toàn***	ATGT	x			1							x			**1**	
109	***Nhận biết được tác hại của việc chơi ngoài đường và đi xe đạp ở những nơi nguy hiểm (Vỉa hè, lòng đường)***	ATGT	***Một số nơi an toàn/ không an toàn khi chơi và đi xe đạp***	ATGT	x									*x*				**1**	
111	Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	BC	Không đi theo và nhận quà của người lạ	BC					x									**1**	
112	***Có khả năng nhận biết được các dấu hiệu của bạo lực về thể chất và bạo lực về tinh thần***	PCXH	***Các dấu hiệu của bạo lực***	PCXH	x											x		**1**	
113	***Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm: khi bị người lạ sờ vào người, sờ vào bộ phận sinh dục, khi bị bắt cóc, dọa nạt,…***	PCXH	***Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm***	PCXH	x					x								**1**	
114	***Có khả năng nhận ra và không đến gần các vật gây cháy phổ biến: Bếp lửa, ấm điện, diêm, bật lửa, bếp ga, nến, lò sưởi, xăng dầu, khí ga***	PCCN	***Các vật gây cháy nổ phổ biên:Bếp lửa, ấm điện, diêm, bật lửa, bếp ga, nến, lò sưởi, xăng dầu, khí ga***	PCCN	x						x							**1**	
115	***Nhận biết được lối thoát hiểm khi cháy nổ: Cửa chính, cửa phụ, cầu thang...***	PCCN	***Lối thoát hiểm khi cháy nổ: Cửa chính, cửa phụ, cầu thang...***	PCCN	x				x									**1**	
116	***Trẻ biết tránh xa các nơi dễ gây cháy nổ: Bếp nấu, nhà ga…để đảm bảo an toàn***	PCCN	***Các nơi dễ gây cháy nổ: Bếp nấu, nhà ga…để đảm bảo an toàn***	PCCN	x											x		**1**	
117	***Trẻ nhận biết một số hậu quả nguy hiểm do cháy nổ gây ra: Bỏng, thương tật, thiệt mạng***	PCCN	***Một số hậu quả nguy hiểm do cháy nổ gây ra: Bỏng, thương tật, thiệt mạng***	PCCN	x					x								**1**	
118	***Trẻ thích tham gia vào các trò chơi vận động lành mạnh, biết cách chia sẻ đồ chơi và chơi cùng bạn bè theo quy tắc, không gây nguy hiểm cho bản thân và người khác.***	QTE	***Chơi an toàn và lành mạnh***	QTE												x		**1**	
5. Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng						**13**	**19**	**27**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
119	Trẻ được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng theo khoa học	TLHD	Tìm hiểu bánh trôi bánh chay	TLHD				1	x									**1**	
			Bí quyết giúp trẻ thích ăn rau xanh			1	1	1	x									**1**	
			Cách làm và sử dụng nước ép táo					1		x								**1**	
			Hướng dẫn làm món trứng hấp rau củ					1		x								**1**	
			Món ăn tăng cường rau xanh					1		x								**1**	
			Hướng dẫn cách xử lý vết côn trùng cắn			1	1	1			x							**1**	
			Hướng dẫn xử trí khi bị mèo chó cắn			1	1	1			x							**1**	
			Kỹ năng ăn một số trái cây			1	1	1			x							**1**	
			Cách xử trí ban đầu khi bị gãy tay					1				x						**1**	
			Hướng dẫn làm Ruốc tôm					1				x						**1**	
			Hướng dẫn trẻ làm sinh tố bơ			1	1	1					x					**1**	
			Cách xử trí khi trẻ bị sốt co giật tại nhà				1	1					x					**1**	
			Hướng dẫn trẻ nhận biết nhóm thực phẩm giàu chất bột đường				1	1						x				**1**	
			Nhận biết nhóm thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng (trên tháp dinh dưỡng)					1						x				**1**	
			Hướng dẫn làm Kimbap (Cơm cuộn)			1	1	1						x				**1**	
			Cách nấu món cháo nấm tôm rau củ dành cho trẻ thừa cân- béo phì			1	1	1							x			**1**	
			Lê chưng táo đỏ giải cảm, trị ho, tăng cường đề kháng			1	1	1							x			**1**	
			Nhận biết món chè ngô					1								x		**1**	
			Vai trò của chất đạm đối với cơ thể			1	1	1								x		**1**	
			Hướng dẫn chế biến một số món ăn cho trẻ mầm non tại nhà			1	1	1									x	**1**	
			Hướng dẫn làm Sữa chua dầm hoa quả			1	1	1									x	**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
120	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường	NDCT	Kết quả cân đo	NDCT					x									1	
												x						1	
																x		1	
II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC						**18**	**24**	**35**	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
A. Khám phá khoa học				.		**6**	**8**	**11**	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
1. Các bộ phận cơ thể con người				.		**1**	**1**	**2**	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
1	Nhận biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	NDCT+ STEAM	Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	NDCT+ STEAM						x								1	
2	Nhận biết một số bộ phận cơ thể con người và biết được cơ thể luôn thay đổi, phát triển	TLHD	Một số bộ phận cơ thể và sự phát triển của chúng	TLHD				1		x								1	
3	***Trẻ hiểu biết mình luôn được ông bà, cha mẹ, cô giáo và bạn bè yêu thương, quan tâm. Hiểu rằng mỗi bạn nhỏ đều có quyền được yêu thương, chăm sóc và tôn trọng.***	QTE	***Quyền được yêu thương***	QTE						x									
4	***Trẻ hiểu rằng cơ thể của mỗi người là riêng tư và không được tự ý chạm vào người khác nếu không được phép. Trẻ cũng học cách giữ không gian cá nhân của mình và của người khác.***	***QTE***	***Tôn trọng cơ thể người khác***	***QTE***	***x***					x								***1***	
5	***Trẻ nhớ được quy tắc "Vùng đồ bơi" không ai được nhìn, nói đến, chạm sờ hoặc làm đau***	PCXH + STEAM	***Quy tắc "Vùng đồ bơi"***	PCXH + STEAM	x	*1*	*1*	*1*		x								1	
2. Đồ vật:				.		**2**	**2**	**3**	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
*** Đồ dùng, đồ chơi**				.		**1**	**1**	**1**	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
6	Biết một số đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT+ STEAM	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi	NDCT+ STEAM					x									1	
											x							1	
7	***Nhận biết được đặc điểm của 1 số chất liệu gỗ, nhựa, kim loại, vải, nilon…. của 1 số đồ dùng đồ chơi quen thuộc***	ĐP	***Đặc điểm 1 số chất liệu đồ dùng đồ chơi***	ĐP	x				x									1	
											x							1	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
8	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng/ đồ chơi quen thuộc	NDCT+ STEAM	Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ chơi/đồ dùng quen thuộc	NDCT+ STEAM					x									**1**	
			Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ chơi/đồ dùng quen thuộc								x							**1**	
9	Biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng	NDCT	So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng	NDCT					x									**1**	
											x							**1**	
10	Biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu	NDCT	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu	NDCT					x									**1**	
						1	1	1			x							**1**	
11	***Trẻ hiểu rõ hơn về tác hại của các sản phẩm nhựa dùng một lần: chai nhựa, ống hút, túi nylon đối với môi trường và động vật.***	KNSX	***Nhận biết về tên gọi, tác hại của rác thải nhựa***	KNSX												*x*		**1**	
																	x	**1**	
12	***Biết cách phân loại rác thải nhựa, rác hữu cơ và rác tái chế , bước đầu biết chủ động trong việc bảo vệ môi trường tại gia đình và trường học.***	KNSX	***Tham gia vào phân loại rác :***	KNSX												x			
13	Biết đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu	NDCT	Đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu	NDCT											x			**1**	
14	***Nhận biết được tên gọi, đặc điểm của một số người điều khiển các phương tiện giao thông***	ATGT	***Tên gọi, đặc điểm của một số người điều khiển các phương tiện giao thông***	ATGT	x							x						**1**	
15	***Nhận biết được tên gọi và ý nghĩa của các tín hiệu đèn giao thông dành cho người đi bộ, dành cho các PTGT***	ATGT	***Nhận biết tín hiệu đèn giao thông dành cho người đi bộ, dành cho các PTGT***	ATGT	x										x			**1**	
16	***Nhận biết được sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định về giao thông.***	ATGT	***Những hậu quả/ sự nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT***	ATGT	x										x			**1**	
	Biết một số quy định đảm bảo an toàn	ATGT	***An toàn khi đi bộ***	ATGT	x										x			**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
17	***Biết một số quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông: Khi đi bộ, khi đi qua đường, khi ngồi trên các phương tiện giao thông, khi vui chơi***	ATGT	***An toàn khi đi qua đường***	ATGT	x					x								**1**	
		ATGT	***An toàn khi ngồi trên các phương tiện giao thông: xe máy, ô tô, tàu thuyền, máy bay...***	ATGT	x										x			**1**	
3. Động vật và thực vật				**.**		**2**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
18	Biết đặc điểm bên ngoài, môi trường sống, thức ăn của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người	NDCT + STEAM	Đặc điểm bên ngoài, môi trường sống, thức ăn của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người	NDCT									x					**1**	
													x					**1**	
19	Biết so sánh, phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu	NDCT	So sánh, phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu	NDCT									x					**1**	
20	Biết đặc điểm của một số loại hoa, ích lợi và tác hại đối với con người	NDCT	Đặc điểm bên ngoài của cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người	NDCT		1	1	1						x				**1**	
	Biết đặc điểm của một số loại rau ích lợi và tác hại đối với con người													x				**1**	
	Biết đặc điểm của một số loại quả ích lợi và tác hại đối với con người													x				**1**	
21	Biết quá trình phát triển của cây (nảy mầm, đâm chồi, ra lá, ra hoa, ra quả)	TLHD	Quá trình phát triển của cây (nảy mầm, đâm chồi, ra lá, ra hoa, ra quả)	TLHD + STEAM										x				**1**	
22	Biết so sánh sự giống và khác nhau, phân loại cây, hoa quả theo 1-2 dấu hiệu	NDCT	So sánh, phân loại cây, hoa quả theo 1-2 dấu hiệu	NDCT										x				**1**	
23	Có khả năng quan sát, phán đoán được mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	NDCT	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống	NDCT									x					**1**	
								1						x				**1**	
24	***Biết được thói quen và nhu cầu của một số con vật gần gũi***	***ĐP***	***Thói quen và nhu cầu của một số con vật gần gũi***	ĐP	x								x					**1**	
25	Biết cách chăm sóc và bảo vệ các con vật gần gũi	NDCT	Cách chăm sóc và bảo vệ các con vật gần gũi	NDCT									x					**1**	
4. Một số hiện tượng tự nhiên				**.**					**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
*** Thời tiết, mùa**				**.**			**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
26	Biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	NDCT	Thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	NDCT			1	1						x				**1**	
																x		**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
27	***Có khả năng nhận biết một số biểu hiện của biến đổi khí hậu: nắng nóng, mưa lớn kéo dài, giông lốc sét, mưa đá, rét đậm rét hại,..***	PCTT-BĐKH	***Một số biểu hiện của biến đổi khí hậu: nắng nóng, mưa lớn kéo dài, giông lốc sét, mưa đá, rét đậm rét hại***	PCTT-BĐKH	x									x			x	**2**	
		PCTT-BĐKH		PCTT-BĐKH	x				x									**1**	
28	***Nhận biết nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng***	PCTT-BĐKH	***Nguyên nhân gây ra và hậu quả của biến đổi khí hậu***	PCTT-BĐKH	x											x		**1**	
*** Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng**				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
29	Nhận ra sự khác nhau giữa ngày và đêm	NDCT	Sự khác nhau giữa ngày và đêm	NDCT		1	1	1								x		**1**	
5. Con người với tài nguyên thiên nhiên							1		**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
*** Đất, nước, rừng, khoáng sản**									**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
30	Biết các nguồn nước trong môi trường sống	NDCT	Các nguồn nước trong môi trường sống	NDCT												x		**1**	
31	Nhận biết được một số đặc điểm của đất, nước	NDCT	Một số đặc điểm của đất, nước	NDCT												x		**1**	
32	***Nhận biết đặc điểm của rừng***	BVMT	***Đặc điểm của rừng***	BVMT										x				**1**	
33	***Nhận biết được tác dụng của đất, nước, rừng… đối với con người, con vật, cây xanh và một số hoạt động (trồng lúa, nuôi cá, tôm…)***	BVMT	***Ích lợi của đất, nước, rừng với con người, con vật, cây và một số hoạt động (trồng lúa, nuôi cá, tôm…)***	BVMT												x		**1**	
34	***Nêu được nguyên nhân gây ô nhiễm đất, nước: ô nhiễm do tự nhiên và ô nhiễm do hoạt động của con người (Xả rác bừa bãi; sử dụng túi nilong, giao thông, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp…***	BVMT	***Nguyên nhân gây ô nhiễm đất, nước và cách bảo vệ***	BVMT												x		**1**	
35	***Nhận biết được tác hại khi đất, nước bị ô nhiệm; tác hại của cháy rừng, chặt phá rừng, chặt cây xanh…***	BVMT	***Tác hại khi ô nhiễm đất, nước; tác hại của cháy rừng, chặt phá rừng, chặt cây xanh…***	BVMT										x				**1**	
*** Không khí, ánh sáng**				**.**			**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
36	Có một số hiểu biết về không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây	NDCT + STEAM	Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây	NDCT + STEAM			1	1								x		**1**	
*** Đá, cát, sỏi**				**.**					**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
37	Có một số hiểu biết về đặc điểm, tính chất của đá, sỏi	NDCT	Đặc điểm, tính chất của đá, sỏi	NDCT												x		1	
6. Trẻ tò mò, ham hiểu biết				.					.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
38	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?", "Vì sao lá cây bị ướt?",..	KQMĐ	Quan sát về sự thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh, đặt các câu hỏi về sự thay đổi đó	KQMĐ								x						1	
															x			1	
39	Biết phối hợp các giác quan để xem xét, sự vật, hiện tượng như kết hợp: nhìn, nếm, ngửi, sờ ...để tìm hiểu đặc điểm nổi bật của đối tượng	KQMĐ	Phối hợp các giác quan để xem xét tìm hiểu đặc điểm nổi bật của đối tượng	KQMĐ									x					1	
														x				1	
																	x	1	
40	Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	KQMĐ + STEAM	Làm một số thử nghiệm	KQMĐ + STEAM						x								1	
																x		1	
41	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét, trò chuyện	KQMĐ	Tìm hiểu về đối tượng qua xem sách, tranh ảnh, nhận xét, trò chuyện	KQMĐ							x							1	
													x					1	
												x						1	
														x				1	
																x		1	
42	Biết phân loại các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu	KQMĐ	Phân loại các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu	KQMĐ						x								1	
												x						1	
															x			1	
43	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi	KQMĐ	Nhận xét mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi	KQMĐ										x				1	
44	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết được 1 số vấn đề đơn giản	KQMĐ	Giải quyết vấn đề đơn giản	KQMĐ												x		1	
45	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	KQMĐ	Đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	KQMĐ					x									1	
														x				1	
													x					1	
46	Có khả năng thể hiện 1 số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo	KQMĐ	Thể hiện hiểu biết về đối tượng	KQMĐ					x									1	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
46	tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,…	KQMĐ	Thể hiện hiểu biết về đối tượng	KQMĐ											x			1	
47	Lập được kế hoạch và thực hiện theo trình tự kế hoạch.	TLHD	Lập được kế hoạch và thực hiện theo trình tự kế hoạch.	TLHD							x							1	
												x						1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
48	Tưởng tượng và xây dựng được mẫu thiết kế bằng cách " vẽ", " viết"	TLHD	Tưởng tượng và xây dựng được mẫu thiết kế bằng cách " vẽ", " viết"	TLHD						x								1	
											x							1	
												x						1	
													x					1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
																	x	1	
49	Xác định các mục tiêu, tiêu chí cần thực hiện và đánh giá được tính đáp ứng các tiêu chí trong sản phẩm tạo ra	TLHD	Xác định các mục tiêu, tiêu chí cần thực hiện và đánh giá được tính đáp ứng các tiêu chí trong sản phẩm tạo ra	TLHD							x							1	
												x						1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
7. Công nghệ				.					.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.
50	***Trẻ sử dụng một số đồ dùng công nghệ như: ipad, máy tính, máy ảnh...để khám phá, tìm hiểu về các sự vật, hiện tượng…***	TLHD	Trẻ sử dụng một số đồ dùng công nghệ như: ipad, máy tính, máy ảnh...để khám phá, tìm hiểu về các sự vật, hiện tượng..	TLHD						x								1	
											x							1	
												x						1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
																	x	1	
51	***Thực hiện được một số thao tác cơ bản với máy tính: tắt, mở, di chuyển chuột, kích chuột , mở thư mục, một số phím cơ bản.***	ĐP	***Một số thao tác cơ bản với máy tính***	ĐP	**x**				x									1	
										x								1	
											x							1	
												x						1	
													x					1	
														x				1	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
52	***Nhận biết được mã QR, ý nghĩa khi sử dụng mã QR trong cuộc sống hàng ngày.***	ĐP	***Ý nghĩa của mã QR trong cuộc sống hàng ngày***	ĐP	**x**					x								**1**	
B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				**.**		**10**	**13**	**19**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm				**.**		**4**	**5**	**8**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
53	Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?", "Là số mấy?"…	KQMĐ	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?", "Là số mấy?"…	KQMĐ					x									**1**	
54	Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	NDCT	Ôn chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5	NDCT						x								**1**	
55	Biết đếm đến 6, nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 6	KQMĐ	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng	NDCT				1			x							**1**	
56	Biết đếm đến 7, nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 7	KQMĐ	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 7 và đếm theo khả năng	NDCT								x						**1**	
57	Biết đếm đến 8, nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 8	KQMĐ	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 8 và đếm theo khả năng	NDCT		1	1	1					x					**1**	
58	Biết đếm đến 9, nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 9	KQMĐ	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 9 và đếm theo khả năng	NDCT											x			**1**	
59	Biết đếm đến 10, nhận biết chữ số, số lượng trong phạm vi 10	KQMĐ	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	NDCT												x		**1**	
60	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	NDCT						x								**1**	
61	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau	NDCT				1				x						**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
62	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau	NDCT										x				**1**	
63	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 8 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 8 bằng các cách khác nhau	NDCT		1	1	1							x			**1**	
64	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 9 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 9 bằng các cách khác nhau	KQMĐ												x		**1**	
65	Có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	KQMĐ	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau	KQMĐ													x	**1**	
66	Biết tách một nhóm có 3 đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3, đếm và nói kết quả	KQMĐ	Tách, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3, đếm và nói kết quả	NDCT				1	x									**1**	
67	Biết tách một nhóm có 4 đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3, đếm và nói kết quả	KQMĐ	Tách, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4, đếm và nói kết quả	NDCT			1	1	x									**1**	
68	Biết tách một nhóm có 5 đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3, đếm và nói kết quả	KQMĐ	Tách, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	NDCT		1	1	1			x							**1**	
69	***Có khả năng tìm ra số còn thiếu trong dãy số được xếp theo tứ tự xuôi, ngược trong phạm vi 10***	ĐP	***Tìm số còn thiếu trong dãy số được xếp theo tứ tự xuôi, ngược trong phạm vi 10***	ĐP	x										x			**1**	
																	x	**1**	
70	Có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	KQMĐ	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe…)	NDCT							x							**1**	
71	***Nhận biết được 1 vài số điện thoại khẩn cấp: 113,114,115***	ĐP	***Làm quen 1 vài số điện thoại khẩn cấp: 113,114,115***	ĐP	x	1	1	1				x						**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
72	***Nhận biết được mệnh giá của 1 số đồng tiền Việt Nam quen thuộc, biết được mục đích của tiền trong cuộc sống (để mua thức ăn, đồ chơi,…)***	ĐP	***Tìm hiểu về đồng tiền Việt Nam (họa tiết, mệnh giá, cách sử dụng)***	ĐP													x	**1**	
2. Xếp tương ứng				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
73	Biết cách xếp tương ứng 1 - 1 giữa 2 nhóm đối tượng gần giống nhau	TLHD	Xếp tương ứng 1 - 1	NDCT		1	1	1	x									**1**	
74	Biết tìm các vật có đôi (đôi giày, đôi dép, đôi găng tay, đôi đũa) hoặc các đối tượng có mối liên hệ (bát - thìa, bàn - ghế, thuốc đánh răng - bàn chải đánh răng) để ghép thành đôi	TLHD	Ghép đôi 2 đối tượng	NDCT							x							**1**	
3. Sắp xếp theo quy tắc				**.**				**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
75	Nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng (ABC,AAB,ABB) và tiếp tục thực hiện sao chép lại	KQMĐ	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (ABC,AAB,ABB)	NDCT				1				x						**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
																	x	**1**	
4. So sánh , đo lường				**.**		**3**	**4**	**5**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
76	Có khả năng sắp xếp theo trình tự về kích thước của 3 đối tượng để nhận ra cái lớn nhất/nhỏ hơn/nhỏ nhất	TLHD	So sánh sắp xếp thứ tự về độ lớn của 3 đối tượng	TLHD		1	1	1						x				**1**	
77	Có khả năng sắp xếp theo trình tự về kích thước của 3 đối tượng để nhận ra cái cao nhất/thấp hơn/thấp nhất,…	TLHD	So sánh sắp xếp thứ tự về chiều cao của 3 đối tượng	TLHD		1	1	1						x				**1**	
78	Có khả năng sắp xếp theo trình tự về kích thước của 3 đối tượng để nhận ra cái dài nhất/ngắn hơn/ngắn nhất	TLHD	So sánh sắp xếp thứ tự về chiều dài của 3 đối tượng	TLHD			1	1					x					**1**	
79	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài của 1 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	KQMĐ	Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo	NDCT		1	1	1							x			**1**	
80	Sử dụng được dụng cụ để đo dung tích của 1 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	KQMĐ	Đo dung tích 1 đối tượng bằng một đơn vị đo	NDCT				1								x		**1**	
5. Hình dạng				**.**		**1**	**2**	**2**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
81	Chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác)	KQMĐ	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình tam giác, hình tròn,	NDCT		1	1	1		x								**1**	
82	Chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (vuông và chữ nhật…)	KQMĐ	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình chữ nhật	NDCT			1	1					x					**1**	
83	Chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa các hình (vuông, tròn, tam giác, chữ nhật…)	KQMĐ	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: (vuông, tròn, tam giác, chữ nhật…)	NDCT											x			**1**	
84	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	KQMĐ	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	KQMĐ						x								**1**	
												x						**1**	
																x		**1**	
85	Có khả năng chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	NDCT	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	NDCT					x									**1**	
											x							**1**	
													x					**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
															x			**1**	
6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				**.**		**1**	**1**	**2**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
86	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	NDCT	Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau, phía trên - phía dưới)	NDCT								x						**1**	
			Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía phải - phía trái)	NDCT				1							x			**1**	
87	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối	NDCT	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối	NDCT		1	1	1								x		**1**	
C. Khám phá xã hội				**.**		**2**	**3**	**5**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				**.**			**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
88	Nói được họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	KQMĐ	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân	NDCT						x								**1**	
89	Nói được họ tên, công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	KQMĐ	Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.	NDCT			1	1			x							**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
90	Nói được một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình mình (thôn, xóm…) khi được hỏi và trò chuyện	KQMĐ	Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình	NDCT							x							**1**	
91	Nói được tên và địa chỉ của trường/lớp; khi được hỏi và trò chuyện	KQMĐ	Tên và địa chỉ của trường, lớp	NDCT					x									**1**	
92	Nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	KQMĐ	Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường	NDCT					x									**1**	
93	Nói được họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện	KQMĐ	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường	NDCT					x									**1**	
94	***Trẻ bắt đầu nhận thức rõ hơn về quyền lợi của mình như quyền được vui chơi, học hỏi, và biết cách thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn, bạn bè và mọi người trong cộng đồng.***	QTE	***Hiểu về quyền và bổn phận của mình với bản thân và người khác, biết rằng tất cả mọi người đều quan trọng và cần được đối xử tôn trọng***	QTE							x							**1**	
95	***Trẻ có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tiềm năng bản thân, được tôn trọng, bình đẳng, được phát triển năng khiếu, năng lực sáng tạo và được cung cấp đầy đủ thông tin về quá trình học tập, rèn luyện***	***QTE***	***Quyền được học tập***	***QTE***	***x***	***x***			x									**1**	
96	***Trẻ biết mình có quyền được sống an toàn, được người lớn yêu thương, chăm sóc và bảo vệ.*** ***Hiểu rằng mình cần được ăn uống đầy đủ, giữ gìn vệ sinh, khám sức khỏe định kỳ để cơ thể khỏe mạnh.***	***QTE***	***Quyền được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe***	***QTE***	***x***							x						**1**	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				**.**		**1**	**1**	**2**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
95	Kể được tên, công việc, dụng cụ lao động, sản phẩm/ ích lợi… của một số nghề phổ biến khi được hỏi, trò chuyện	NDCT	Tên gọi, công việc, công cụ, sản phẩm, các hoạt động, ý nghĩa của các nghề phổ biến: Giáo viên, bác sĩ, thợ may, công an, công nhân xây dựng…	NDCT		1	1	1				x						**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
96	Kể được tên, công việc, dụng cụ lao động, sản phẩm/ ích lợi… của một số nghề truyền thống ở địa phương: nghề buôn bán, nghề làm bánh đa,….	NDCT	Tên gọi, công việc, công cụ, sản phẩm, các hoạt động, ý nghĩa của một số nghề truyền thống của địa phương: nghề trồng rau, nghề làm bánh đa…	NDCT								x						**1**	
97	***Nhận biết được tên gọi,trang phục nhiệm vụ của cảnh sát giao thông. Biết một số công việc, ý nghĩa của cảnh sát giao thông***	ATGT	***Tên gọi,trang phục nhiệm vụ của cảnh sát giao thông. Biết một số công việc, ý nghĩa của cảnh sát giao thông***	ATGT	x							x						**1**	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh				**.**		**1**	**1**	**2**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
98	***Biết Cờ Tổ quốc và nhận biết được lá cờ của 2-3 quốc gia***	ĐP	***Cờ tổ quốc và lá cờ của 2-3 quốc gia***	ĐP													**x**	**1**	
99	Kể được tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội, của đất nước: Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết cổ truyền, Lễ hội Đình Kinh Giao (15/11 ÂL), Lễ hội chùa Chiêu Tường (22/01 ÂL), Lễ hội Hoa phượng đỏ (13/04), Hội trọi trâu Đồ Sơn,…	NDCT	Tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội của đất nước	NDCT													x	**1**	
						1	1	1		x								**1**	
														x				**1**	
											x							**1**	
100	Kể được tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương (Đình Kinh Giao, Tượng bà nữ tướng Lê Chân, Nhà hát lớn Hải Phòng, Bãi biển Đồ sơn, Cát Bà, Lăng Bác, Hồ Tây…	NDCT	Tên và đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	NDCT													x	**1**	
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				**.**		**19**	**27**	**38**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
A. Nghe hiểu lời nói				**.**		**4**	**5**	**7**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1	Có khả năng nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm	NDCT	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm	NDCT								x						**1**	
2	Có khả năng nghe hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ,…	KQMĐ	Hiểu nghĩa từ khái quát	KQMĐ									x					**1**	
3	Có khả năng nghe hiểu các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp	NDCT	Nghe hiểu, sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	NDCT												x		**1**	
								1	x									**1**	
						1	1	1		x								**1**	
											x							**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
4	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	NDCT	Nghe truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	NDCT								x						1	
													x					1	
						1	1	1						x				1	
						1	1	1							x			1	
																x		1	
						1	1	1									x	1	
5	Có khả năng nghe hiểu các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	NDCT	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	NDCT					x									1	
										x								1	
											x							1	
												x						1	
													x					1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
																	x	1	
6	Trẻ học cách lắng nghe tích cực và phản hồi lại khi người lớn hoặc bạn bè nói (hỏi lại để hiểu rõ hơn hoặc đưa ra ý kiến của mình sau khi nghe người khác nói)	QTE	Học cách lắng nghe và phản hồi tích cực	QTE					x									1	
										x								1	
											x							1	
												x						1	
													x					1	
														x				1	
															x			1	
																x		1	
																	x	1	
7	Có khả năng nghe và nhận ra ngữ điệu thể hiện sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi)	TLHD	Một số sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi)	TLHD						x								1	
B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày				**.**		**9**	**14**	**19**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
8	Nói rõ các tiếng có chứa âm khó để người nghe có thể hiểu được	KQMĐ	Phát âm các tiếng có chứa âm khó	NDCT												x		1	
																	x	1	
9	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	KQMĐ	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	KQMĐ					x									1	
											x							1	
												x						1	
														x				1	
																x		1	
10	***Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ và hành động để bày tỏ mong muốn và ý kiến của mình***	QTE	***Thể hiện mong muốn, nhu cầu,***	QTE	x					x								1	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
10	***(đưa ra lựa chọn hoặc nêu ý kiến trong các trò chơi nhóm)***	QTE	***nguyện vọng và ý kiến của bản thân***	QTE	x											x		**1**	
11	Kể lại được sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự	KQMĐ	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	NDCT							x							**1**	
												x						**1**	
														x				**1**	
12	Có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp độ tuổi	NDCT		1	2	2		x								**1**	
									x									**1**	
						1	1	1			x							**1**	
						1	1	1				x						**1**	
								1					x					**1**	
						1	2	3						x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
13	Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	KQMĐ	Kể lại chuyện đã được nghe	NDCT		1	1	1			x							**1**	
							1	1							x			**1**	
						1	1	1								x		**1**	
14	Có khả năng mô tả sự vật, hiện tượng qua tranh ảnh	NDCT	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	NDCT		1	1	1	x									**1**	
																		0	
											x							**1**	
15	Bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	KQMĐ	Tập đóng kịch	NDCT		1	1	1				x						**1**	
								1					x					**1**	
							1	1						x				**1**	
16	Đặt và trả lời các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"; "Để làm gì?"	NDCT	Trả lời và đặt các câu hỏi	NDCT					x									**1**	
										x								**1**	
													x					**1**	
																	x	**1**	
17	***Trẻ biết sử dụng từ ngữ lễ phép như "xin phép", "cảm ơn", "xin lỗi" và sử dụng đại từ nhân xưng phù hợp khi giao tiếp với người lớn và bạn bè***	QTE	***Tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp***	QTE						x								**1**	
											x							**1**	
18	Sử dụng các từ "Cảm ơn"; "Xin lỗi", "Xin Phép", "Thưa", "Dạ", "Vâng"… phù hợp với tình huống	KQMĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	NDCT								x						**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
19	Biết nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	KQMĐ	Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	KQMĐ										x				**1**	
20	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	KQMĐ	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh	NDCT												x		**1**	
C. Làm quen với việc đọc - viết				**.**		**6**	**8**	**2**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
21	Biết chọn sách để xem	KQMĐ	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	NDCT					x									**1**	
										x								**1**	
											x							**1**	
22	Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	KQMĐ	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	KQMĐ			1	1				x						**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
23	Biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt")	KQMĐ	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	NDCT								x						**1**	
													x					**1**	
													x					**1**	
24	Biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. Có ý thức giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. Giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT											x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
25	Có khả năng nhận dạng một số chữ cái đơn giản	NDCT	Nhận dạng các chữ cái O-Ô-Ơ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		x			1			x							**1**	
			Nhận dạng các chữ cái A-Ă-Â trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa			x	1	1	1						x				**1**	
			Nhận dạng các chữ cái E-Ê trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa			x	1	1	1					x					**1**	
			Nhận dạng các chữ cái U-Ư trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa			x		1	1							x			**1**	
			Tập tô nét sổ thẳng			x			1	x									**1**	
			Tập tô nét ngang			x			1		x								**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
26	Trẻ biết tô, đồ theo các nét chữ, tô từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới từ đầu trang đến cuối trang	NDCT	***Tập tô nét xiên***	ĐP	x			1				x						**1**	
			Tập tô nét móc		x	1	1	1						x				**1**	
			Tập tô nét cong		x	1	1	1					x					**1**	
			Tập tô nét móc hai đầu		x	1	1	1								x		**1**	
			Tập tô nét cong kín		x	1	1	1							x			**1**	
27	Biết cách đọc và viết Tiếng Việt	KQMĐ	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trang đầu đến trang cuối + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu	NDCT	x						x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
																	x	**1**	
28	Biết "đọc" truyện theo các tranh vẽ		"Đọc" truyện theo các tranh vẽ												x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
29	Có khả năng nhận ra 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, biển báo cấm: cấm vứt rác, cấm hút thuốc, cấm lửa…)	NDCT	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, lối ra, nơi nguy hiểm…)	NDCT					x									**1**	
															x			**1**	
30	***Nhận biết và so sánh sự giống và khác nhau về cấu tạo, cách phát âm của chữ cái trong từng nhóm chữ***	ĐP	***So sánh sự giống và khác nhau về cấu tạo, cách phát âm của chữ cái***	ĐP	x						x							**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
31	***Ngồi đúng tư thế và biết cầm bút đúng cách***	ĐP	***Tư thế ngồi và cách cầm bút***	ĐP	x					x								**1**	
32	Biết hỏi bằng những câu hỏi tái hiện, câu hỏi truy vấn, phân tích và giải thích vấn đề bằng lời nói.	TLHD+STEAM	Biết hỏi bằng những câu hỏi tái hiện, câu hỏi truy vấn, phân tích và giải thích vấn đề bằng lời nói.	TLHD+STEAM							x							**1**	
												x						**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI				**.**		**5**	**7**	**10**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
A. Phát triển tình cảm				**.**		**4**	**5**	**7**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1. Thể hiện ý thức về bản thân				**.**			**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân,	KQMĐ	Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên	NDCT						x								**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
1	tên bố, mẹ.	KQMĐ	bố, mẹ.	NDCT							x							**1**	
2	***Yêu thương cơ thể mình và biết chăm sóc bản thân một cách đơn giản và hiểu giá trị của cơ thể mình***	QTE	***Tự yêu thương và chăm sóc bản thân***	QTE	x							x						**1**	
3	***Trẻ biết cách bảo vệ bản thân, cũng như biết cách giúp đỡ, bảo vệ người khác (bạn bè, em nhỏ) trong các tình huống nguy hiểm***	QTE	***Nhận biết và bảo vệ bản thân và người khác***	QTE	x					x								**1**	
4	***Lắng nghe người khác nói, tự tin bày tỏ ý kiến về nhu cầu, sở thích và điểm mạnh của mình với người lớn và bạn bè gần gũi***	KQMĐ	***Lắng nghe, bày tỏ nhu cầu, sở thích, điểm mạnh***	NDCT			1	1		x								**1**	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực				**.**		**3**	**3**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
5	Biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	KQMĐ	Tự lựa chọn đồ chơi/ trò chơi theo ý thích	TLHD			x		x									**1**	
								x		x								**1**	
											x							**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
6	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	KQMĐ	Đội mũ bảo hiểm	TLHD		1	1	1							x			**1**	
			Gấp quần áo			1	1	1	x									**1**	
			Bé quét nhà			1	1	1	x									**1**	
			Hoa quả dầm					1				x						**1**	
			Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao							x								**1**	
										x								**1**	
													x					**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
7	***Trẻ chủ động bắt chuyện, biết đặt câu hỏi và trả lời khi giao tiếp với cô và bạn.***	SEL	***Chủ động bắt chuyện, đặt câu hỏi và trả lời khi giao tiếp với cô và bạn.***		SEL				x									**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
8	***Trẻ có khả năng thích nghi với môi trường học tập và biết tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn (nhờ cô giúp, hỏi bạn).***	SEL	***Tập thích nghi với môi trường học tập và tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn***		SEL					x								**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
9	Nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh	KQMĐ	Một số trạng thái cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	NDCT					x									**1**	
10	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	KQMĐ	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình	NDCT								x						**1**	
11	***Trẻ xác định được cảm xúc đa dạng của bản thân, nhận biết tình huống nào khiến mình vui, buồn hay lo lắng…. biết chia sẻ cảm xúc của mình với cô và bạn***	SEL	***Nhận biết cảm xúc đa dạng của bản thân qua các tình huống khác nhau, chia sẻ cảm xúc của mình với cô và bạn***	SEL	x					x								**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
12	***Trẻ bắt đầu hiểu rõ hơn về sở thích, điểm mạnh và những điều mình làm tốt hoặc chưa giỏi***	SEL	***Nhận biết sở thích, điểm mạnh của bản thân***	SEL	x							x						**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
13	***Biết sử dụng một số cách đơn giản để điều tiết cảm xúc (hít thở sâu, đếm số, tìm góc yên tĩnh khi bực bội).***	SEL	***Điều tiết cảm xúc của bản thân***	SEL	x					x								**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
14	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác hồ.	KQMĐ	Ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	NDCT													x	**1**	
15	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội của quê hương, đất nước	KQMĐ	Di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	NDCT		1	1	1						x				**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
16	***Tự hào và có ý thức giữ gìn, bảo vệ phững phong cảnh, địa danh nổi tiếng của quê hương, đất nước***	BVMT	***Ý thức giữ gìn, bảo vệ phững phong cảnh, địa danh nổi tiếng của quê hương***	BVMT	x												x	**1**	
17	***Biết được một số nét văn hóa nổi bật của một số nước khác nhau trên thế giới qua một số ngày lễ hội***	ĐP	***Lễ Hội Halloween***	ĐP	x					x								**1**	
			Lễ Hội Noel	ĐP	x							x						**1**	
B. Phát triển kỹ năng xã hội				**.**		**1**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				**.**		**1**	**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
18	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không ồn ào, vâng lời ông bà, bố mẹ,	KQMĐ	Một số quy định ở lớp và gia đình	NDCT					x									**1**	
											x							**1**	
19	***Trẻ biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và tạm biệt cô, bạn một cách tự nhiên; biết sử dụng cử chỉ, lời nói phù hợp trong giao tiếp.***	SEL	***Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép trong giao tiếp***	SEL		1	1	1			x							**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
20	Chú ý khi nghe cô và bạn nói	KQMĐ	Lắng nghe ý kiến của người khác	NDCT								x						**1**	
21	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	KQMĐ	Phối hợp cùng bạn trong chơi, trực nhật	KQMĐ										x				**1**	
									x									**1**	
										x								**1**	
																x		**1**	
22	***Rèn luyện khả năng kiên nhẫn, chờ đến lượt và tuân theo quy tắc trong hoạt động nhóm.***	***SEL***	***Kiên nhẫn chờ đến lượt, tuân theo quy tắc trong hoạt động nhóm***	SEL						x								**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
23	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và bạn bè	NDCT	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và bạn bè	NDCT							x							**1**	
24	Biết quan tâm giúp đỡ bạn khi cần thiết	NDCT	Quan tâm giúp đỡ bạn	NDCT											**x**			**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
25	***Biết hạn chế ra ngoài trời khi đang nắng nóng và biết đội mũ/che ô để bảo vệ cơ thể khi ra ngoài trời đang nắng nóng***	**PCTT-BĐKH**	***Thích ứng với nắng nóng kéo dài***	**PCTT-BĐKH**	**x**												**x**	**1**	
26	***Biết chơi ở trong nhà/lớp học khi trời có mưa; biết che ô/mặc quần áo mưa…để tránh bị ướt khi ra ngoài***	PCTT-BĐKH	***Thích ứng với mưa lớn kéo dài***	PCTT-BĐKH	x											x		**1**	
27	Có khả năng tự làm được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày		Có khả năng tự làm được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày														x	**1**	
28	***Biết tránh xa cây to, cây cột điện, ở trong nhà và tắt các thiết bị điện không cần thiết khi có giông, sét, lốc***	PCTT-BĐKH	***Thích ứng với giông, sét, lốc***	PCTT-BĐKH	x				x									**1**	
29	***Biết giữ ấm cơ thể, ăn uống thực phẩm ấm nóng và biết cách rèn luyện sức khỏe khi rét đậm, rét hại***	PCTT-BĐKH	***Thích ứng với rét đậm, rét hại***	PCTT-BĐKH	x									x				**1**	
30	***Biết vào trong nhà/lớp học để đảm bảo an toàn; không trú, tránh dưới gốc cây, cột điện khi có bão***	PCTT-BĐKH	***Ứng phó với bão***	PCTT-BĐKH	x							x						**1**	
31	Biết di chuyển lên vị trí cao hơn để đảm bảo an toàn, biết cách sử dụng áo phao, không nghịch và sử dụng nước nhiễm bẩn khi lũ lụt	PCTT-BĐKH	Ứng phó với lũ lụt	PCTT-BĐKH	x								x					**1**	
32	Biết phân biệt hành vi " đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	NDCT	Phân biệt hành vi" đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	NDCT				1						x				**1**	
33	***Có một số kĩ năng cơ bản khi tiếp xúc với người lạ***	***ĐP***	***Cách ứng xử với người lạ***	***ĐP***							x							**1**	
34	***Có một số kĩ năng phòng chống hỏa hoạn để bảo vệ an toàn của bản thân và những người xung quanh***	ĐP	***Cách phòng chống hỏa hoạn***	***ĐP***						x								**1**	
35	***Biết phân biệt một số hành vi đúng - sai khi tham gia giao thông. Đồng tình với những hành vi đúng và không đồng tình với những hành vi sai về an toàn giao thông***	ATGT	***Phân biệt một số hành vi đúng - sai khi tham gia giao thông***	ATGT	x										x			**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
36	***Có ý thức mặc áp phao khi đi tàu, thuyền và nhắc nhở người khác khi họ không tuân thủ theo các quy định an toàn đường thủy***	ATGT	***Kỹ năng mặc áo phao, lên xuống phương tiện an toàn***	ATGT	x										x			**1**	
37	***Có ý thức đội mũ bảo hiểm đúng cách, ngồi ngay ngắn, không đùa nghịch khi ngồi trên xe máy***	ATGT	***An toàn khi đi trên xe máy***	ATGT	x				x									**1**	
38	***Có ý thức luôn thắt dây an toàn, không có hành vi nguy hiểm khi ngồi trong xe ô tô. Biết bày tỏ thái độ với hành vi đúng/sai khi ngồi, lên/ xuống và mở cửa ô tô.***	ATGT	***Giữ an toàn khi ngồi trong xe ô tô***	ATGT	x										x			**1**	
39	***Có ý thức xếp hàng khi lên/xuống xe buýt. Biết bày tỏ thái độ với hành vi đúng/sai khi đi xe buýt: Không xếp hàng, chen lấn, xô đẩy...***	ATGT	***Giữ an toàn khi đi xe buýt***	ATGT	x										x			**1**	
40	***Có khả năng đồng cảm, biết quan tâm đến cảm xúc của người khác, thể hiện qua các hành động chia sẻ, giúp đỡ bạn bè hoặc người thân.***	QTE	***Đồng cảm và quan tâm đến người khác***	QTE						x								**1**	
41	***Trẻ biết cách giải quyết xung đột đơn giản thông qua thương lượng và nói chuyện với bạn bè, dựa trên sự tôn trọng và công bằng***	QTE	***Thương lượng và giải quyết mâu thuẫn***	QTE									x					**1**	
42	***Hứng thú tham gia các hoạt động nhóm, biết chia sẻ vật liệu, thương lượng, phân công nhiệm vụ khi chơi cùng bạn.***	SEL	***Tham gia các hoạt động nhóm, chia sẻ vật liệu, phân công nhiệm vụ khi chơi cùng bạn.***	SEL	x					x								**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
43	***Trẻ có thể đưa ra lựa chọn phù hợp trong hoạt động (chọn nguyên liệu khi làm thủ công, chọn vai khi đóng kịch) biết học cách tuân theo quy tắc để đảm bảo an toàn cho bản thân và bạn bè.***	SEL	***Đưa ra lựa chọn phù hợp trong hoạt động, học cách tuân theo quy tắc để đảm bảo an toàn cho bản thân và bạn bè.***	SEL	x							x						**1**	Bổ sung mục tiêu về giáo dục cảm xúc xã hội (SEL)
2. Quan tâm đến môi trường				**.**			**1**	**1**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
44	***Có thái độ yêu thương động vật, yêu thiên nhiên, cỏ cây hoa lá, thích ăn rau, quả***	BVMT	***Yêu thương động vật, yêu thiên nhiên, cỏ cây hoa lá***	BVMT									**x**					**1**	
														x				**1**	
45	Thích chăm sóc con vật gần gũi	BVMT	Bảo vệ và chăm sóc con vật gần gũi	NDCT	x								x					**1**	
	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên, thích chăm sóc cây	BVMT	Bảo vệ, chăm sóc cây cối	NDCT										x				**1**	
46	Phát hiện và tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình với những hành vi ngược đãi động vật, bẻ cành, bứt hoa, giẫm lên cỏ	BVMT	***Không ngược đãi động vật***	BVMT	x								x					**1**	
			Không bẻ cành, bứt hoa, giẫm lên cỏ											x				**1**	
47	***Bỏ rác vào thùng đúng nơi quy định. Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động dọn dẹp rác thải, đặc biệt là rác nhựa, trong lớp học, trường học và khu vực công cộng.***	**KNSX**	***Tham gia giữ gìn, dọn dẹp môi trường***	**KNSX**	**x**											**x**		**1**	
48	***Biết sử dụng các vật dụng như cốc, túi vải, hộp đựng thực phẩm có thể tái sử dụng và nhận biết khi nào không nên dùng sản phẩm nhựa.***	KNSX	***Sử dụng đồ dùng, vật dụng thay thế sản phẩm nhựa***	KNSX	x							x						**1**	
49	***Biết không sử dụng ống hút, hộp nhựa, và túi nylon khi đi mua sắm hoặc trong bữa ăn tại trường***	KNSX	***Giảm thiểu rác thải nhựa qua các hoạt động hàng ngày***	KNSX	x														
50	***Trẻ biết cách tiết kiệm nước, không để nước chảy lãng phí khi không dùng và tắt đèn khi không sử dụng điện, hình thành thói quen tiết kiệm năng lượng***	KNSX	***Tiết kiệm nước và điện***	KNSX	x											x		**1**	
51	***Tự hào và có ý thức giữ gìn, bảo vệ phững phong cảnh, địa danh nổi tiếng của quê hương, đất nước***	TLHD	***Tự hào và có ý thức giữ gìn, bảo vệ phững phong cảnh, địa danh nổi tiếng của quê hương, đất nước***														x	**1**	
52	***Cùng các bạn đưa ra ý kiến, quyết định chung của nhóm và chịu trách nhiệm***	TLHD	***Cùng các bạn đưa ra ý kiến, quyết định chung của nhóm và chịu trách***	TLHD	x						x							**1**	
												x						**1**	
																x			

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
	thực hiện nhiệm vụ.		***nhiệm thực hiện nhiệm vụ.***											x				**1**	
															x			**1**	
53	***Biết trao đổi, thương lượng để lựa chọn giải pháp phù hợp. Thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng giải quyết nhiệm vụ của nhóm***	TLHD	***Biết trao đổi, thương lượng để lựa chọn giải pháp phù hợp. Thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng giải quyết nhiệm vụ của nhóm***	TLHD	x						x							**1**	
												x						**1**	
														x				**1**	
															x				
															x			**1**	
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ				**.**		**20**	**28**	**40**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm				**.**					**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
1	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	KQMĐ	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	NDCT					x									**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
																	x	**1**	
2	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	KQMĐ	Nghe bài hát, bản nhạc; nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể chuyện	KQMĐ						x								**1**	
3	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,…) của tác phẩm tạo hình	KQMĐ	Quan sát và nói lên cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình	KQMĐ												x		**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				**.**		**18**	**26**	**37**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
4	***Chăm chú lắng nghe, tạo cho trẻ những ấn tượng đẹp về hình ảnh âm nhạc có trong tác phẩm, biết thưởng thức và hưởng ứng cảm xúc phù hợp với bài hát, bản nhạc được nghe***	ĐP	***Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)***	NDCT	x					x								**1**	
												x						**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
5	Có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ…	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	NDCT						x								**1**	
														x				**1**	
										x								**1**	
															x			**1**	
						1	1	1					x					**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
6	Có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa), sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu)	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc phù hợp với chủ đề, độ tuổi	NDCT		1	1	1	x									**1**	
										x								**1**	
						1	1	1			x							**1**	
												x						**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
						1	1	1								x		**1**	
							1	1									x	**1**	
			Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	NDCT		1	1	1	x									**1**	
															x			**1**	
7	***Thể hiện cảm xúc, hát, vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát, bản nhạc***	ĐP	***Hát, vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát, bản nhạc***	ĐP	x					x								**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
8	***Rèn luyện, phát triển tai nghe, khả năng nhận biết, phân biệt và phản ứng linh hoạt với các thuộc tính âm nhạc (độ cao, tiết tấu, nhịp độ, sắc thái,..)***	ĐP	***Trò chơi âm nhạc***	ĐP	x				x									**1**	
														x				**1**	
																x		**1**	
9	Có khả năng phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	KQMĐ	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	KQMĐ				1		x								**1**	
									x									**1**	
						1	1	1				x						**1**	
						1	1	1					x					**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
								1			x							**1**	
						1	*1*	*1*				x						**1**	
														x				**1**	
						1	*1*	*1*					x					**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
							1	*1*									x	**1**	
									x									**1**	
										x								**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
10	***Biết sắp xếp, lấy/phết hồ dán tạo thành sản phẩm có nội dung, bố cục cân đối***	KQMĐ	***Sử dụng kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét***	NDCT	x						x							**1**	
												x						**1**	
						1	*1*	*1*							x			**1**	
				KQMĐ		*1*	*1*	*1*								x		**1**	
11	***Biết chia đất theo các phần, làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn 1 đầu, uốn cong, gắn các bộ phận, miết chỗ nối,... để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết***	KQMĐ	***Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét***	KQMĐ			*1*	*1*		x								**1**	
										x								**1**	
													x					**1**	
														x				**1**	
12	***Lựa chọn và sử dụng các vật liệu để xếp xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, xếp bằng các hình học, hột hạt, que….để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau***	KQMĐ	***Sử dụng kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét***	NDCT	x					x								**1**	
														x				**1**	
															x			**1**	
13	***Biết in bằng ngón tay, bàn tay, lựa chọn, sử dụng các khuôn in để tạo ra sản phẩm có nội dung, bố cục cân đối***	KQMĐ	***Sử dụng kĩ năng in để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét***	ĐP	x					x								**1**	
								1						x				**1**	
14	***Biết sử dụng kĩ năng gấp đôi, gấp ba giấy, miết dọc, phối hợp kĩ năng vẽ, dán, trang trí để tạo ra sản phẩm có có nội dung, bố cục cân đối***	KQMĐ	***Sử dụng kĩ năng gấp đôi, gấp ba giấy, miết dọc, phối hợp kĩ năng vẽ, dán, trang trí để tạo ra sản phẩm có có nội dung, bố cục cân đối***	ĐP	x	*1*	*1*	*1*					x					**1**	
																x		**1**	
15	Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	KQMĐ	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét	KQMĐ					x									**1**	
										x								**1**	
											x							**1**	
												x						**1**	
C. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				**.**		**2**	**2**	**3**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**	**.**
16	Có khả năng lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	KQMĐ	Có khả năng lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	KQMĐ						x								**1**	
											x							**1**	
														x				**1**	
													x					**1**	
																x		**1**	

tt	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	Mục tiêu - nội dung cốt lõi			DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG									Tổng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
									MN	BT	GĐ	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH		
									3	5	4	4	4	5	4	5	2		
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		MĐ1	MĐ2	MĐ3	08/9-26/9	29/9-31/10	3/11-28/11	1/12-26/12	29/12-24/1	26/1-6/3	9/3-3/4	6/4-8/5	11/5-22/5		
17	***Biết sử dụng các bộ gõ cơ thể để vận động theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát***	KQMĐ	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc, bộ gõ cơ thể để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	NDCT							x							**1**	
												x						**1**	
																x		**1**	
18	Tích cực tham gia sáng tạo ra các sản phẩm thủ công từ các vật liệu tái chế như giấy, chai nhựa, hộp sữa, giúp trẻ học cách tái sử dụng vật liệu thay vì vứt bỏ.	KNSX	Sáng tạo đồ dùng đồ chơi từ vật liệu tái chế	KNSX	x									x				**1**	
						1	1	1							x			**1**	
						1	1	1									x	**1**	
19	Có khả năng nói lên ý tưởng tạo hình của mình	KQMĐ	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	KQMĐ					x									**1**	
										x								**1**	
											x							**1**	
												x						**1**	
														x				**1**	
20	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQMĐ	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình										x					**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
																	x	**1**	
21	Đánh giá được sản phẩm với thiết kế ban đầu và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm theo bản thiết kế.	KQMĐ	Đánh giá được sản phẩm với thiết kế ban đầu và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm theo bản thiết kế.	KQMĐ										x				**1**	
													x					**1**	
															x			**1**	
																x		**1**	
CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG PHÂN BỔ THEO TỪNG ĐỘ TUỔI						**92**	**129**	**184**	**67**	**83**	**76**	**76**	**74**	**87**	**77**	**84**	**51**	**675**	
Trong đó: - Lĩnh vực thể chất						**30**	**43**	**61**	***22***	***24***	***23***	***22***	***24***	***25***	***22***	***29***	***17***	**208**	
- Lĩnh vực nhận thức						**18**	**24**	**35**	***18***	***18***	***21***	***19***	***16***	***25***	***21***	***24***	***13***	**175**	
- Lĩnh vực ngôn ngữ						**19**	**27**	**38**	***10***	***11***	***14***	***14***	***14***	***14***	***13***	***14***	***9***	**113**	
- Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội						**5**	**7**	**10**	***9***	***15***	***8***	***12***	***8***	***9***	***10***	***7***	***7***	**85**	
- Lĩnh vực thẩm mỹ						**20**	**28**	**40**	***8***	***15***	***10***	***9***	***12***	***14***	***11***	***10***	***5***	**94**	

II. KẾ HOẠCH DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Chủ đề	Nhánh chủ đề		Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện	Giáo viên thực hiện	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
I	**Học kì I: Từ ngày 08/9/2025 đến ngày 09/01/2026 - Thực hiện 18 tuần**						
1	**Mùa thu đến trường**	1	Đến lớp thật là vui	1	Từ 08/9 đến 12/9/2025	Hoàng Thị Thu	
		2	Lớp học hạnh phúc	1	Từ 15/9 đến 19/9/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		3	Đồ chơi yêu thích của bé	1	Từ 22/9 đến 26/9/2025	Hoàng Thị Thu	
2	**Bản thân**	1	Happy birthday	1	Từ 29/9 đến 03/10/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		2	Vui đón trung thu	1	Từ 06/10 đến 10/10/2025	Hoàng Thị Thu	
		3	Điều kì diệu của các giác quan	1	Từ 13/9 đến 17/10/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		4	Cảm xúc của bé	1	Từ 20/10 đến 24/10/2025	Hoàng Thị Thu	
		5	Bé bảo vệ bản thân	1	Từ 27/10 đến 31/10/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
3	**Gia đình yêu thương**	1	Gia đình yêu thương	1	Từ 03/11 đến 07/11/2025	Hoàng Thị Thu	
		2	Dự án : Ngôi nhà hạnh phúc	1	Từ 10/11 đến 14/11/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		3	Ngày hội của cô giáo	1	Từ 17/11 đến 21/11/2025	Hoàng Thị Thu	Nghỉ 20/11
		4	Kho báu trong nhà	1	Từ 24/11 đến 28/11/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
4	**Ước mơ của bé**	1	Cháu yêu cô chú công nhân	1	Từ 01/12 đến 05/12/2025	Hoàng Thị Thu	
		2	Bác sĩ đa khoa	1	Từ 08/12 đến 12/12/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		3	Dự án: Nhà thiết kế thời trang	1	Từ 15/12 đến 19/12/2025	Hoàng Thị Thu	
		4	Bé yêu chú bộ đội	1	Từ 22/12 đến 26/12/2025	Nguyễn Thị Thanh Huyền	

TT	Chủ đề	Nhánh chủ đề		Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện	Giáo viên thực hiện	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
5	**Động vật kì thú**	1	Thú cưng của bé	2	Từ 29/12 đến 09/01/2026	Hoàng Thị Thu	Nghỉ Tết dương lịch
II.	**Học kì II: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 22/5/2026 - Thực hiện 18 tuần**						
		2	Con vật sống dưới nước	1	Từ 12/01 đến 16/01/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		3	Thú trong rừng xanh	1	Từ 19/01 đến 24/01/2026	Hoàng Thị Thu	
6	**Thực vật - Tết mùa xuân**	1	Quả bé thích	1	Từ 26/01 đến 30/01/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		2	Những bông hoa đua sắc	1	Từ 02/02 đến 06/02/2026	Hoàng Thị Thu	
		3	Dự án "Bé vui đón Tết"	1	Từ 09/02 đến 13/02/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		4	Mùa xuân của bé	1	Từ 23/02 đến 27/02/2026	Hoàng Thị Thu	
		5	Vườn rau củ	1	Từ 02/03 đến 06/03/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
7	**Phương tiện giao thông**	1	Một số phương tiện giao thông	2	Từ 09/03 đến 20/03/2026	Hoàng Thị Thu	
		2	Dự án: Ô tô chuyển động	1	Từ 23/3 đến 27/3/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
		3	Bé với an toàn giao thông	1	Từ 30/03 đến 03/4/2026	Hoàng Thị Thu	
8	**Trái đất của em**	1	Một số hiện tượng tự nhiên	2	Từ 06/04 đến 17/4/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nghỉ 10/3
		2	Mùa hè của bé	1	Từ 20/4 đến 24/4/2026	Hoàng Thị Thu	
		3	Dự án: Tái chế giấy	2	Từ 27/4 đến 08/5/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nghỉ 30/4 - 1/5
9	**Việt Nam quê hương em**	1	Lễ hội hoa phượng đỏ Hải Phòng	1	Từ 11/05 đến 15/05/2026	Hoàng Thị Thu	
		2	Bé yêu biển lắm	1	Từ 18/05 đến 22/05/2026	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
Tổng số cả năm học				**36**	**175 ngày thực học**		

III. DỰ KIẾN HOẠT ĐỘNG HỌC

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	1 . Đến lớp thật là vui	Chuyền, bắt bóng qua đầu	Quyền được học tập (Mới)		Đồng dao : "Nu na nu nống			Dạy VĐMH: "Vui đến trường"	Bé gấp quần áo	5
	2. Lớp học hạnh phúc	Đi bằng gót chân liên tục 1,5m		Xếp tương ứng, ghép đôi 1:1		Truyện : "Gà tơ đi học"	Tô màu đồ chơi		Lời chào thân thiện (SEL)	5
	3. Bé giữ gìn đồ chơi	Bật xa 40 - 50cm		Gộp, tách 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4	Thơ :"Cô và mẹ"		HĐH: Xếp dán dây cờ (Mẫu)	Vỗ đệm theo nhịp bài: "Trường chúng cháu là trường mầm non"		5
	Tổng số	3	1	2	2	1	2	2	2	**15**
	1. Happy birthday	Đi bước lùi		Đếm đến 5, nhận biết nhóm có 5 đối tượng, nhận biết chữ số 5		Truyện: "Câu chuyện của tay phải tay trái"	Làm mũ sinh nhật (Mẫu)	Dạy KN ca hát bài: Lời chào		5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
2. Bản thân	2. Vui đón trung thu	Chuyền, bắt bóng qua chân	Tìm hiểu bánh trung thu		Thơ: "Trăng sáng"		Hoạt động EDP "Làm bánh trung thu"	Dạy KNCH "Đêm trung thu"		
	3. Điều kì diệu của các giác quan	Đập và bắt bóng tại chỗ	Quyền được yêu thương (Mới)		Thơ :"Đôi mắt của em"		Nặn: Kiểu tóc cho bạn trai bạn gái (Mẫu)		Ứng xử khi gặp hỏa hoạn	5
	4. Cảm xúc của bé.	Bật tách khép chân qua 5 ô		Phân biệt hình tròn với hình tam giác		Truyện: "Cậu bé mũi dài"		Dạy VĐMH bài: "Gọi tên cảm xúc"	Chiếc gương cảm xúc (SEL)	5
	5. Bé bảo vệ bản thân	Ném xa bằng 1 tay	Quy tắc vùng đồ bơi	So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5			Vẽ khuôn mặt cảm xúc	Rèn KNAN		5
	Tổng số	5	3	3	2	2	4	4	2	25
	1. Gia đình yêu thương	Bò chui qua cổng	Tôi là một đứa trẻ			Truyện : "Tích chu"	Cắt, dán hàng rào nhà bé (Mẫu)		Lễ phép khi khách đến nhà (SEL)	5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
3. Gia đình yêu thương	2.Dự án: Ngôi nhà hạnh phúc	Đi trên ghế thể dục	HĐ 5E: Tìm hiểu về ngôi nhà của bé			Kể lại chuyện : "Tích chu"	Hoạt động EDP: "Ngôi nhà hạnh phúc"	Dạy KN múa: "Múa cho mẹ xem"		5
	3. Ngày hội của cô giáo	Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m		Gộp, tách 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5	Thơ:"Cô giáo của em"			Dạy VĐ Bộ gõ cơ thể bài hát: "Cô và mẹ"		4
	4. Kho báu trong nhà	Bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 3-4m		Đếm đến 6, nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết chữ số 6	Đồng dao : Gánh gánh, gồng gồng		Vẽ đồ dùng gia đình bé (mẫu)	Rèn KNAN		5
	Tổng số	4	2	2	2	2	3	3	1	19
	1. Cháu yêu cô chú công nhân	Đi khụy gối liên tục 2m		So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 6		Truyện : "Nhổ củ cải"	Dán ngôi nhà		Sở thích của bé (SEL)	5
	2. Bác sĩ đa khoa	Ném trúng đích đứng bằng 1 tay (xa 1m, cao 1m)	Những người bảo vệ bé (Quyền được chăm sóc, BV sức khỏe)	Xác định vị trí đồ vật(Phía trên - dưới, trước - sau) của bạn khác	Thơ:" Làm bác sĩ"			Dạy VĐMH: "Bé làm hoạ sĩ".		5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
4. Ước mơ của bé	**3. Bé yêu chú bộ đội**	Chạy 18m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây		Đếm đến 7, nhận biết nhóm có 7 đối tượng, nhận biết chữ số7	Thơ :"Chú giải phóng quân"		Vẽ trang trí hình vuông (Mẫu)	Dạy KN VĐ bộ gõ cơ thể bài : "Bắc Kim thang"		5
	4. Dự án: "Nhà thiết kế thời trang"	Bật sâu (cao 30-35cm)	HĐ5E Tìm hiểu về trang phục	Sắp xếp theo quy tắc 3 đối tượng		Đóng kịch : "Nhổ củ cải"	Hoạt động EDP: "Làm trang phục tái chế"			5
	Tổng số	4	2	4	2	2	3	2	1	**20**
5.Động vật kì thú	**1. Thú cưng của bé.**	Tung bắt bóng với người đối diện			Thơ : "Gà mẹ đếm con"		Vẽ con mèo (đề tài)		Bé chăm sóc con vật nuôi'	**4**
		Lăn bóng bằng 2 tay và di chuyển theo bóng		Đếm đến 8, nhận biết nhóm có 8 đối tượng, nhận biết chữ số 8		Truyện: "Cáo thỏ và gà trống"	Nặn con thỏ (Mẫu)	Dạy KN ca hát bài: "Rửa mặt như mèo"		**5**

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	2.Con vật sống dưới nước	Bò trong đường Zíc zắc, ném xa bằng 1 tay	Tìm hiểu 1 số con vật sống trong gia đình			Đóng kịch: "Cáo thỏ và gà trống"	Hoạt động EDP: "Làm bể cá mini"	Dạy VĐMH bài: "Cá vàng bơi"		**5**
	3. Thú trong rừng xanh	Bật qua vật cản cao 10-15cm		So sánh sắp xếp thứ tự về chiều dài của 3 đối tượng	Đồng dao về loài vật		Gấp con chó (Mẫu)	Rèn KNAN		**5**
	Tổng số	4	1	2	2	2	4	3	1	19
6. Thực vật - Tết – Mùa xuân	**1. Quả bé thích**	Trườn theo hướng thẳng	Tìm hiểu một số loại quả		Vè trái cây		Nặn quả (Mẫu)	Dạy KNCH bài: "Em yêu cây xanh"		5
	2. Những bông hoa đua sắc	Đi trên ghế thể dục. Bật qua vật cản cao 10 - 15cm		So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 7	Thơ:"Hoa kết trái"			Dạy VĐMH bài:"Lý cây bông"	Phân biệt hành vi đúng – sai với cây trồng (SEL)	5
	3. Dự án: Bé vui đón tết	Ném xa bằng 2 tay	HĐ 5E: Tìm hiểu về pháo hoa		Thơ : "Tết đang vào nhà"		Hoạt động EDP: "Làm pháo hoa"	Dạy KNCH bài: "Bánh chưng xanh"		5
	4. Mùa xuân của bé	Bò trong đường zic zăc qua 5 điểm	Tìm hiểu mối quan hệ của cây với môi trường sống	So sánh sắp xếp thứ tự về chiều cao của 3 đối tượng		Truyện: "Chú đỗ con"	Vẽ vườn hoa mùa xuân (mẫu)			5

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	5. Vườn rau, củ	Bật liên tục vào 5 ô vòng		So sánh sắp xếp thứ tự về độ lớn của 3 đối tượng		Đóng kịch : "Chú đỗ con"	In hoa từ rau, củ, quả (Mẫu)	Rèn KNAN		5
	Tổng số	5	3	3	3	2	4	4	1	**25**
7. Giao thông	**1.Một số phương tiện giao thông**	Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn		So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 8		Truyện : "Kiến con đi ô tô"	Vẽ ô tô (Đề tài)	Dạy KNCH bài: "Em đi qua ngã tư đường phố"		**5**
		Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m		Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo	Thơ :"Cô dạy"		Xé dán thuyền trên biển (Mẫu)	Dạy vỗ đệm TTC bài: "Em đi qua ngã tư đường phố"		**5**
	2. Dự án: Ô tô chuyển động	Trèo lên xuống ghế 30cm, ném xa bằng 2 tay	HĐ 5E: Tìm hiểu về ô tô	Xác định phía phải-trái của bản thân			Hoạt động EDP: "Làm ô tô chuyển động"		Quan tâm, yêu thương, giúp đỡ bạn	**5**
	3. Bé với an toàn giao thông	Ném trúng đích ngang ở khoảng cách xa 1,2-1,4m		Đếm đến 9, nhận biết nhóm có 9 đối tượng, nhận biết chữ số 9		Kể lại chuyện: "Kiến con đi ô tô"		Rèn KNAN	Bé đội mũ bảo hiểm	5
	Tổng số	4	1	4	1	2	3	3	2	20

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
8.Trái đất của em	1.Một số HTTN	Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	Phân biệt ngày và đêm			Truyện : "Hồ nước và mây"		Dạy KN VĐ bộ gõ cơ thể bài : "Cho tôi đi làm mưa với"		4
		Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục		So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 9	Thơ: "Ông mặt trời"			Dạy VĐMH: bài: "Cháu vẽ ông mặt trời"	Kỹ năng úng phó khi trời mưa	5
	2. Mùa hè của bé	Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (2-3 lần)	Sự kì diệu của nước			Kể lại chuyện: "Hồ nước và mây"	Vẽ cảnh trời mưa (Đề tài)		Dạy trẻ phân loại rác thải	5
	3.Dự án: Tái chế giấy	Tung bóng lên cao và bắt bóng	HĐ 5E Tìm hiểu chiếc túi	Đo dung tích bằng một đơn vị đo		Truyện: "Nhặt bỏ rác đúng nơi quy định"	Hoạt động EDP: "Làm túi giấy thay túi ni nong"			5
		Trườn chui qua dây		Đếm đến10, nhận biết nhóm có 10 đối tượng, nhận biết chữ số10	Thơ: "Tái chế"					3

Tên chủ đề	Nhánh	Lĩnh vực phát triển								Tổng
		Thể chất	Nhận thức		Ngôn ngữ		Thẩm mỹ		TC KNXH	
			Khám phá	Toán	Thơ, đồng dao	Truyện	Tạo hình	Âm nhạc		
	Tổng số	5	3	3	2	3	2	2	2	22
9. Việt Nam quê hương tôi	**Lễ hội hoa phượng đỏ**	Trèo lên, xuống 5 gióng thang		So sánh, thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 10		Truyện : "Ông gióng"	Vẽ theo ý thích		Sử dụng đũa	5
	Bé yêu biển lắm	Bò chui qua ống dài 1,2x0,6m - Bật xa 35-40cm	Tìm hiểu chiếc nón lá		Thơ : "Ngày tết thiếu nhi của bé".		Hoạt động EDP : Làm chiếc nón lá	Dạy VĐMH: "Ngày mới đến rồi ".		5
	Tổng số	2	1	1	1	1	2	1	1	**10**
Cộng tổng số HĐH cả năm		**36**	**17**	**24**	**17**	**17**	**27**	**24**	**13**	**175**

An Hưng, ngày 12 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI DUYỆT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH